TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày 15-6-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ N Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Huận và ông Phạm Thanh Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Bá Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HS ngày 24/12/2021, đối với bị cáo:

Hồ Mai N, sinh ngày 05/02/1998; tại: xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: thợ cơ khí; trình độ văn hoá: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Duy L và bà Nguyễn Thị Lệ H (đã chết); vợ Trần Thị X và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2021 đến ngày 12/7/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Trần Thị X, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Lê Công L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1999; nơi cư trú: tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Phạm Văn H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 06/7/2021, sau khi gọi điện thoại cho vợ và biết được vợ là Trần Thị X đang mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 73M1-0572 của chị dâu là Hoàng Thị B đi học nghề cắt tóc tại ở thôn Tam Đa, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch thì N đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe máy để bán lấy tiền phục vụ nhu cầu bản thân. N gọi điện cho Phạm Văn H nói "Mi chở anh lên lấy xe cho chị với" và được H đồng ý. Sau đó, N chạy xe mô tô đến nơi H làm việc, rồi H lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, biển kiểm soát 73E1-299.63 chở N đi theo hướng xã Quảng Phương - Quảng Lưu. Trên đường đi N nói với H "Mi chở anh lên lấy xe mà đừng nói cho chị biết, anh lấy xe bán rồi anh trừ cho ba trăm trước mi cắm bằng", H đồng ý. Sau đó, H chở N đến xưởng cơ khí của N ở xã Quảng Thanh để lấy chìa khoá xe (trước đó chị Bảy có nhờ N đi sửa xe thay ổ khoá nên N có cất giữ một chìa khoá xe của chị Bảy). H điều khiển xe chở N lên hướng chợ Cổng xã Quảng Lưu. Khi đi đến chợ Cổng, N nói với H "Chạy qua để anh coi có xe đó không?", H điều khiển xe chạy qua tiệm cắt tóc nơi chị X học nghề, N quan sát thấy chiếc xe đang dựng gần cửa sổ tiệm cắt tóc đối diện cổng phía Đông của chợ. N bảo H quay xe lại và nói "Anh lấy xe chạy trước, mi chạy theo sau". N xuống đi lại vị trí chiếc xe của chị X dùng chìa khoá có sẵn mở khoá xe rồi nổ máy và điều khiển xe đi về hướng cổng chào Quảng Lưu về xã Quảng Phương, H điều khiển xe đi phía sau. N điều khiển xe vừa trộm được đến cửa hàng mua bán xe máy cũ Linh Tịnh ở thị xã Ba Đồn bán cho anh Lê Công L. Vì quen biết và chiếc xe này trước đó anh L bán lại cho người nhà của N nên L và N thống nhất số tiền mua bán xe là 6.500.000 đồng. Do N trước đó có mượn của anh L số tiền 2.200.000 đồng nên L trừ vào số tiền mua xe, đồng thời do chưa có giấy tờ xe nên anh L chuyển vào tài khoản Vietcombank do N cung cấp trước số tiền 2.000.000 đồng, số tiền còn lại khi N mang giấy tờ xe đến anh L sẽ chuyển đủ, N đồng ý. Lúc trao đổi mua bán xe thì H đứng ở ngoài chờ. Sau đó, H chở N về để lấy xe và tiếp tục làm việc. N sau đó được chị X điện thoại báo mất xe và được chị B đưa giấy tờ xe để N làm việc với Cơ quan Điều tra. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, chiếc xe này được anh

Nguyễn Ngọc P và anh L thoả thuận thống nhất giá mua, bán là 7.400.000 đồng, anh P trả trước cho anh L 5.000.000 đồng, số tiền còn lại anh P sẽ thanh toán cho anh L sau khi nhận giấy đăng ký xe. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, N mang giấy tờ xe đưa đến cho anh L, anh L chuyển vào tài khoản của N số tiền 2.300.000 đồng còn lại. Sau khi nhận đủ tiền bán xe, N về nhà rồi rút tiền và tiêu xài cá nhân hết. Hai ngày sau anh P đến gặp anh L để lấy giấy tờ xe và thanh toán số tiền còn lại cho anh L.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 17/KL-HĐĐGTS ngày 12/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Trạch, kết luận: Tổng giá trị thiệt hại về tài sản là 6.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã thu giữ các vật chứng, tài sản liên quan đến vụ án để điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật. Xác định, xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, màu đỏ, biển kiểm soát 73E1-229.63 mà Phạm Văn H sử dụng chở N đi trộm cắp tài sản là xe của chị Nguyễn Thị T. Chị T cho Phạm Văn H mượn với mục đích sử dụng đi làm, việc H sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện để chở N đi trộm cắp tài sản thì chị T không biết nên đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T. Xe mô tô mang nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát 73M1-0572 là xe của chị Hoàng Thị B. Chị B cho chị Trần Thị X mượn chiếc xe trên để đi làm thì bị mất trộm, nên đã trả lại cho chị Hoàng Thị B.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, chị Hoàng Thị B là chủ sở hữu tài sản và chị Trần Thị X là bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự. Bị cáo Hồ Mai N đã thỏa thuận thống nhất bồi hoàn lại cho anh Lê Công L số tiền 4.300.000 đồng. Anh Lê Công L đã thỏa thuận thống nhất bồi hoàn lại cho anh Nguyễn Ngọc P số tiền 7.400.000 đồng. Các bên đã giao nhận tiền đầy đủ.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKSQT ngày 09 tháng 11 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Hồ Mai N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: về tội

danh: tuyên bố bị cáo Hồ Mai N phạm tội "Trộm cắp tài sản"; về hình phạt: xử phạt bị cáo Hồ Mai N từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; về xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường dân sự: không xem xét; buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản mà mình đã thực hiện là vi phạm pháp luật, đã sai phạm. Bị cáo nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố, kết tội bị cáo. Bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Mai N đã thừa nhận và thống nhất khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản mà mình đã thực hiện. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của chị Trần Thị X, đã lén lút trộm cắp tài sản là xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát 73M1-0572, nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài, phục vụ nhu cầu cá nhân của mình. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt theo kết luận là 6.000.000 đồng. Đối chiếu lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là hoàn toàn phù hợp và thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận, bị cáo Hồ Mai N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung. Vì muốn có tiền phục vụ nhu cầu, mục đích bản thân bị cáo đã coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, cố ý

thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần quyết định một hình phạt tương xứng đối với tính chất của hành vi phạm tội, mức độ, hậu quả mà bị cáo gây ra. Nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và quy tắc của cuộc sống, đồng thời phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy rằng: bị cáo có nhân thân tốt; đã bồi thường, hoàn trả đầy đủ thiệt hại, khắc phục hậu quả gây ra; phạm tội gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm sai trái của mình để có hướng khắc phục, sửa chữa lỗi lầm và được phía bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, được áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Xét quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, đề nghị áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo là có phần nghiêm khắc. Ngoài ra, bị cáo đã bồi thường, hoàn trả đầy đủ thiệt hại, khắc phục hậu quả gây ra nên áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo

[6] Từ những nhận định, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, có đủ điều kiện được rèn luyện, cải tạo, giáo dục tại địa phương nên chưa cần thiết buộc phải cách ly ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xét xử cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, giao về chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình theo dõi, giám sát cũng đủ tính răn đe, giáo dục. Bị cáo đi làm thuê, không có công việc và không có thu nhập ổn định, phải điều trị bệnh nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định, "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Tuy nhiên, bị cáo có điều kiện, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, công việc và thu nhập không ổn định và bị bệnh thiếu máu huyết tán, phải điều trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Liên quan trong vụ án còn có Phạm Văn H là người chở N đi lấy xe, tuy nhiên H nghĩ chở N đi lấy xe của chị X là vợ của N và xe đó là tài sản chung của gia đình N nên H không phải là đồng phạm. Mặc dù không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tuy nhiên, Hội đồng xét xử nghiêm khắc nhắc nhở rút kinh nghiệm, sống phải tuân thủ và chấp hành pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ kịp thời giao trả cho chủ sở hữu theo quy định. Anh Lê Công L là người mua tài sản do bị cáo đem bán, anh Nguyễn Ngọc P là người mua lại xe do anh L bán lại. Tuy nhiên, xác định trong quá trình mua bán anh L, anh P không biết tài sản đó là do phạm tội mà có nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Giữa bị cáo với anh L và giữa anh L với anh P cũng đã thống nhất thỏa thuận bồi hoàn khoản tiền mua bán, các bên đã hoàn trả, nhận tiền đầy đủ. Đến tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, yêu cầu gì thêm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được tạm giữ để điều tra và được xử lý trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Đến tại phiên tòa không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Hồ Mai N phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hồ Mai N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hồ Mai N 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 03 ngày bị bắt tạm giữ từ ngày 09/7/2021 đến ngày 12/7/2021, quy đổi thành 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Hồ Mai N trong thời gian chấp hành án.

Giao bị cáo Hồ Mai N cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Hồ Mai N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ N Thực